

VÀI ĐẶC ĐIỂM THỜ THIÊN HẬU CỦA NGƯỜI VIỆT VÙNG TÂY NAM BỘ¹

Tóm tắt: Trong tâm thức người Việt, mỗi vị thần đều có những “bổn phận”, chức năng riêng. Các vị thần khác nhau liên quan đến các phạm trù, bình diện khác nhau của đời sống nhân sinh, ví dụ, Bà Chúa Xứ cai quản vùng đất, Bà Thủy cai quản vùng nước, Quan Thế Âm Bồ Tát cứu độ chúng sinh, Thiên Hậu vừa là thần biển (Hải thần) vừa là Mẫu thần ban phúc lành (phúc thần), v.v.. Do vậy, các dân tộc có xu hướng thờ đa thần với mong mỏi bất cứ ước vọng nào cũng có thần linh nghe thấy. Tục thờ Bà Thiên Hậu của người Hoa được người Việt ở Tây Nam Bộ tiếp nhận trong quá trình cùng sinh sống ở vùng đất này. Như một hệ quả tất yếu, một bộ phận người Việt đã xây cất miếu Thiên Hậu và tổ chức sinh hoạt tôn giáo của riêng mình. Bài viết này khái quát một số đặc điểm miếu thờ Thiên Hậu của người Việt ở Tây Nam Bộ.

Từ khóa: Đặc điểm, miếu thờ, Tây Nam Bộ, Thiên Hậu, người Việt.

1. Khái quát tục thờ Thiên Hậu của người Việt ở Tây Nam Bộ

Trong dòng chảy văn hóa người Việt, Tây Nam Bộ là vùng văn hóa “sinh sau đẻ muộn” so với nhiều vùng đất khác, là nơi hợp lưu văn hóa các tộc người bản địa và mới đến, đã “gặp gỡ”, “giao thoa”, “thâu nạp” lẫn nhau và tái tạo, lên khuôn theo các kiểu thức riêng của từng cộng đồng tộc người. Với tâm và thể của dân tộc chủ thể, người Việt đã chủ động khai phóng tư duy, đón nhận những giá trị mới theo hướng có thể sử dụng để bổ sung vào dòng văn hóa của mình vốn đã có phần sơ bạc sau nhiều thế kỷ di dân qua nhiều vùng đất với các kiểu thức văn hóa khác nhau. Nói cách khác, quá trình thâu nhận và tái tạo văn hóa người Việt ở Trung Bộ thời kỳ Đàng Trong là một bước đệm, bước tập dượt hết sức có ý nghĩa để người Việt vùng Tây Nam Bộ một lần nữa “thâu nạp và tái cấu trúc nhiều thực hành văn hóa - xã hội ở địa phương¹. Trong hệ

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

¹ Bài viết này được tài trợ bởi Quỹ Khoa học Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số IV5.2-2012.20.

thống các bình diện văn hóa xã hội được người Việt thu nhận và tái tạo ở Tây Nam Bộ thì tôn giáo, nghệ thuật trình diễn và phương thức sinh kế là các lĩnh vực phản ánh xu hướng ấy một cách sâu sắc nhất. Nguồn gốc quan trọng nhất của các hiện tượng thâm nhập này nằm ở *tính chất sơ bạc* của văn hóa sau quá trình di dân, khai khẩn và *tính chủ động* của người Việt trong tiếp nhận cái mới ở địa phương.

Thiên Hậu là mẫu thần cộng đồng hình thành từ vùng Bò Điền, Phúc Kiến, sau mở rộng khắp vùng duyên hải Hoa Nam, Đài Loan và hạ lưu sông Trường Giang và lan rộng khắp thế giới với khoảng 6.000 miếu thờ. Các miếu Thiên Hậu được gọi tên dưới nhiều dạng thức khác nhau, như: Thiên Hậu cung, Thiên Hậu miếu, Ma Tổ miếu, Ma Tổ các, Thánh Mẫu miếu, v.v., được coi là nơi gặp gỡ của những ước vọng dân gian từ mộc mạc, bình dị (như an lành, hạnh phúc, tai qua nạn khỏi) cho đến đậm chất kinh tế như buôn may bán đất, giàu sang thịnh vượng của các cộng đồng cư dân địa phương.

Nghiên cứu về biểu tượng, Đinh Hồng Hải (2014) dẫn mô hình Tam vị của Pierce để nhấn mạnh mối quan hệ tương tác giữa biểu tượng (*symbol*, hay kí hiệu, *sign*) với trường ý nghĩa của biểu tượng (*signified*) trong bối cảnh văn hóa của từng nhóm cộng đồng khách thể cụ thể. Bà Thiên Hậu là một biểu tượng có hệ thống ý nghĩa khá phong phú, tập trung chủ yếu ở ý nghĩa của thần biển, thần ban phát phúc lành. Tuy nhiên, các giá trị của tục thờ này sẽ thay đổi tùy theo khách thể - tức cộng đồng thờ tự Bà Thiên Hậu. Tục thờ Thiên Hậu là một phần hành trang của tộc người Hoa khi vượt biển đến Việt Nam, sau quá trình cộng cư ở Nam Bộ đã mở rộng, truyền bá đến một bộ phận người Việt. Theo các nhà nhân học Anh vào cuối thế kỷ XIX, giao lưu văn hóa là “quá trình biến đổi các đồ tạo tác, phong tục tập quán, niềm tin tôn giáo do sự tiếp xúc giữa các xã hội có truyền thống văn hóa khác nhau”², trong khi các nhà nhân học Mỹ thì cho rằng “giao lưu tiếp biến văn hóa là quá trình trong đó một nền văn hóa thích nghi, ảnh hưởng một nền văn hóa khác bằng cách vay mượn nhiều nét đặc trưng của nền văn hóa ấy”³. Ở Việt Nam, Ngô Đức Thịnh nhận định “giao tiếp văn hóa, nói ngắn gọn là quá trình các cộng đồng người gặp nhau và trên cơ sở đó tiếp nhận ở nhau những giá trị văn hóa”⁴.

Theo nhận xét trên, người Việt vùng Tây Nam Bộ có tư duy mở - thoáng, sẵn sàng tiếp nhận và tái cấu trúc đời sống tâm linh, tạo nền tảng cho hiện tượng giao lưu văn hóa giữa các dân tộc trong vùng. Trong số ấy, sự giao lưu văn hóa giữa người Việt và người Hoa là mạnh mẽ nhất

do hai dân tộc này chia sẻ nhiều điểm tương đồng trong đời sống tư tưởng - văn hóa. Quá trình giao lưu tiếp biến văn hóa Việt - Hoa qua tục thờ Thiên Hậu vùng Tây Nam Bộ diễn ra mạnh mẽ nhất ở các khu vực cộng cư chung của ba cộng đồng: Việt, Hoa, Khmer. Do vậy, số miếu thờ Thiên Hậu của người Việt nói riêng, của toàn vùng Tây Nam Bộ nói chung là phong phú hơn cả. Hai trong số các khu vực ấy là (1) Giồng đất ven biển Đông từ Bến Tre qua Trà Vinh đến Sóc Trăng và (2) Các vùng đất dọc theo con đường giao thương kết nối Tp. Hồ Chí Minh với Tây Nam Bộ: Quốc lộ 1A, sông Măng Thít, hệ thống sông Tiền - sông Hậu. Trong hai tiểu vùng này, Trà Vinh và Sóc Trăng là hai địa phương điển hình nhất, là nơi có các quá trình giao lưu - tiếp biến văn hóa giữa ba cộng đồng dân tộc: Việt, Hoa, Khmer diễn ra mạnh mẽ và thường xuyên nhất. Nhờ vậy, tục thờ Bà Thiên Hậu của người Việt cũng thể hiện sống động nhất. Sự tồn tại và phát triển của văn hóa Khmer ở hai địa phương (xoay quanh trục Phật giáo Nam tông) đã gián tiếp tạo nền tảng cho tính đa dạng của văn hóa tộc người, thông qua đó, tôn giáo và phong tục, tập quán người Hoa cũng phát triển hết sức đa dạng.

Chính vì vậy, Thiên Hậu còn được người Việt phối thờ ở cơ sở thờ tự khác, ví dụ: Miếu Bà Chúa Xứ ở thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; miếu Bà Thủy ở thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân và miếu Tam Vị ở thị trấn Cái Nước, tỉnh Cà Mau; cung Cửu Thiên Chúa Xứ ở Tp. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; chùa Tân Long ở xã Thanh Sơn, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh; miếu Bà Chúa Xứ - Bà Mã Châu ở ấp Bãi Bắc, xã Lại Sơn, quần đảo Nam Du, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang⁵, v.v. (tài liệu điền dã các năm 2014, 2015). Dải đất ven biển từ Trà Vinh xuống bán đảo Cà Mau là khu vực tập trung đông đảo nhất các cơ sở thờ tự Thiên Hậu chủ yếu của người Hoa Triều Châu và người Việt. Bên cạnh đó, con đường thương mại kênh Chợ Đệm, sông Mỹ Tho, sông Măng Thít và hệ thống sông Tiền - sông Hậu cũng là vùng đất có nhiều miếu thờ Thiên Hậu.

Theo thống kê chưa đầy đủ, toàn vùng Tây Nam Bộ có 70 miếu Thiên Hậu, trong đó có 55 miếu của người Hoa và 15 miếu do người Việt xây dựng, tổ chức quản lý và sinh hoạt tôn giáo. Tổng số 70 miếu phân bố như sau:

Stt	Địa phương	Số lượng
1	An Giang	04
2	Bạc Liêu	07
3	Bến Tre	03
4	Cà Mau	08

5	Cần Thơ	01
6	Đồng Tháp	01
7	Kiên Giang	08
8	Long An	03
9	Sóc Trăng	16
10	Tiền Giang	02
11	Trà Vinh	11
12	Vĩnh Long	06
Tổng cộng		70

15 miếu Thiên Hậu do người Việt xây cất và tổ chức sinh hoạt tôn giáo phân bố như sau:

Stt	Tên miếu	Địa chỉ
1	Miếu Thiên Hậu	Phường 1, Tp. Tân An, tỉnh Long An
2	Miếu Thiên Hậu	Phường 7, Tp. Tân An, tỉnh Long An
3	Miếu Thiên Hậu Vĩnh Mỹ	Phường Vĩnh Mỹ, Tp. Châu Đốc, tỉnh An Giang
4	Miếu Thiên Hậu	Thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre
5	Miếu Thiên Hậu Tiệm Tôm	Chợ Tiệm Tôm, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre
6	Hội quán Minh Hương	Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
7	Miếu Thiên Hậu Hòa Lộc	Chợ Hòa Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long
8	Miếu Bà Thiên Hậu	Xã Vĩnh Bảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
9	Miếu Chúa Xứ - Thiên Hậu	Xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
10	Miếu Bà Thiên Hậu	Áp Cá Lóc, Thị trấn Định An, Trà Cú, tỉnh Trà Vinh
11	Miếu Bà Thiên Hậu	Thị trấn Cầu Ngang, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh
12	Miếu Thiên Hậu Huỳnh Kỳ	Xã Vĩnh Hải, Thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
13	Miếu Bà Thiên Hậu	Xã Hòa Đông, Thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
14	Thiên Hậu Thánh Mẫu Cung	Chợ Tp. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
15	Thiên Hậu Cung	Xã Vĩnh Mỹ B, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu

2. Đặc điểm miếu thờ Thiên Hậu của người Việt vùng Tây Nam Bộ

Thứ nhất, tục thờ Thiên Hậu của người Việt không gắn với các thiết chế văn hóa - xã hội và không chủ trương tìm kiếm và gìn giữ bản sắc văn hóa như một số miếu Thiên Hậu của người Hoa trong vùng. Theo nghiên cứu của Liu Tiksang (2000), trong đa số các trường hợp, miếu thần của người Hoa thể hiện cách thức tổ chức xã hội theo mô thức dân sự: sự cộng gộp và vượt gộp của nhiều hoạt động kinh tế, xã hội, chính trị, văn hóa, hết thảy cùng hòa trộn vào thiết chế tâm linh. Đây vốn dĩ là một đặc trưng điển hình của vùng Hoa Nam. Trên thực tế, cộng đồng người Hoa ở Tây Nam Bộ không có một hệ thống tổ chức kết nối miếu tự theo chiều dọc, và vì thế mỗi miếu tự là một “trung tâm” sinh hoạt tâm linh của cư dân khu vực ấy. Hoạt động lễ hội gắn thiết chế tâm linh với kinh tế, xã hội, các nhóm cộng đồng tôn giáo các địa phương là hết sức phong phú. Trong khi đó, đại đa số các miếu thờ Thiên Hậu của người Việt vùng Tây Nam Bộ chỉ đơn thuần là các cơ sở tôn giáo dân gian có quy mô nhỏ, mang tính tự phát và tính tâm linh thuần túy mặc dù nghi lễ ở một số miếu có tổ chức theo điển chế

của đình làng (như miếu Thiên Hậu Vĩnh Mỹ, Tp. Châu Đốc, An Giang). Khách thập phương đến viếng (nếu có) đa phần vẫn là người Việt do đa phần các miếu này được xây dựng gần một ngôi miếu Thiên Hậu khác to hơn do người Hoa quản lý, có tầm ảnh hưởng lớn hơn.

Một số miếu Thiên Hậu của người Việt lại có nhiều điểm giống với đình làng của người Việt Nam Bộ. Cấu trúc không gian các miếu thờ này đều có điểm chung là phía trước miếu có kết cấu võ ca, võ quy hoặc nhà tiền tế; trong chính điện có phối thờ tả hữu ban, tiền hậu vãng trong khi nghệ thuật trang trí rồng phượng, các họa tiết truyền thống lại hạn chế rất nhiều so với miếu Thiên Hậu của người Hoa. Trong các nghi thức tế lễ, các ngôi miếu này có áp dụng điển chế của nhà Nguyễn khi tổ chức lễ vía chính, theo sau đó là các hoạt động diễn xướng dân gian như hát bóng rối, hát chập Địa Nàng hay các trò diễn xướng dân gian khác. Khác với một số miếu Thiên Hậu của người Hoa trong vùng có hiện tượng “nhập xác” đi kèm với các nghi lễ cổ xưa như “cất lưới đón bùa”, “tắm dầu nóng”⁶, v.v., các miếu thờ của người Việt chỉ dừng lại ở các hoạt động diễn xướng hay múa bóng giúp vui cho thần thánh mà thôi.

Thứ hai, một số miếu thờ Thiên Hậu của người Việt vùng Tây Nam Bộ vận động trên trục thờ Mẫu của người Việt ở Nam Bộ, trong đó có xu hướng Việt hóa và thể hiện dấu tích của Tam phủ. Tất cả đều được gọi là *miếu* hoặc *miễu* (Miếu Thiên Hậu, miếu Bà Thiên Hậu, miếu Bà Thiên Hậu, v.v.). Miếu Bà Chúa Xứ - Thiên Hậu ở ấp Đầu Bờ, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh là một trường hợp điển hình của hiện tượng “tái tổ hợp” biểu tượng Bà Thiên Hậu trong văn hóa người Việt. Bà Thiên Hậu được gọi là Bà Chúa Xứ (tượng thờ trong miếu là Bà Thiên Hậu, ngày vía chính là ngày Đản sinh Thiên Hậu, 23 tháng 3 âm lịch hằng năm), tức bà mẹ quê hương xứ sở, trùng khớp hoàn toàn với Bà Chúa Xứ Núi Sam. Trường hợp thứ hai, miếu Miếu Bà Thủy ở thị trấn Cái Đồi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau bài trí tượng thờ ba vị thánh mẫu theo trật tự từ trái sang phải là Bà Thủy - Bà Thượng (Thiên Hậu, Mẹ Nam Hải) - Bà Chúa Xứ, tức ba vị thánh mẫu đại diện cho ba tầng không gian Nước - Trời - Đất (bộ Tam tài). Theo nghiên cứu của chúng tôi, Bà Thượng (Bà Thiên Hậu) giữ thế *Thiên*, trong khi hai vị thánh mẫu còn lại thì Bà Thủy giữ thế *Địa*, Bà Chúa Xứ giữ thế *Nhân*. Do nằm ở vùng cửa biển Cà Mau và gắn liền với nghề đi biển, ngôi miếu này gọi là *Miếu Bà Thủy* dù trung tâm miếu thờ là tượng bà Thượng (Bà Thiên Hậu) chứ không phải Bà Thủy⁷.

Thứ ba, với đặc trưng là một nhánh nhỏ của thờ Mẫu ở Nam Bộ, việc thờ Thiên Hậu của người Việt vùng Tây Nam Bộ đã được *bản địa hóa* mạnh mẽ qua phong cách kiến trúc và mỹ thuật trang trí miếu thờ của người Việt, phần nào là những minh chứng quan trọng cho tính cách mở - thoáng của người Việt Nam Bộ trong việc thu nạp và bản địa hóa văn hóa tha nhân trước khi làm phong phú thêm truyền thống văn hóa dân tộc mình. Tượng Thiên Hậu của người Việt nhìn chung có hai phong cách. Phong cách Việt thể hiện bà trong hình dáng của vị mẫu thần từ bi, phúc hậu, có khi luống tuổi, có khi rất trẻ trung, hoàn toàn mang tính chất dân gian. Phong cách thứ hai thể hiện theo kiểu quan phương, bà là một vị hoàng hậu trên thiên đình đầu có đội mào cung đình (phong cách triều Minh ở Trung Quốc). Nhóm tượng thứ hai này thường do Ban quản trị miếu (miếu) đặt thỉnh từ Trung Quốc hay từ cộng đồng người Hoa trong vùng về thờ.

Nhìn chung, các miếu (miếu) Thiên Hậu do người Việt xây dựng hoàn toàn không theo quy cách kiến trúc của người Hoa mà phảng phất lối kiến trúc đình, miếu của người Việt ở Nam Bộ và ít nhiều có dấu ấn của kiến trúc Phương Tây. Trên đại thể có thể phân chia tổng số 15 miếu Thiên Hậu của người Việt thành ba phong cách chính. Dạng thứ nhất là loại miếu quy mô lớn có hình thức giống đình làng Nam Bộ, tiêu biểu như miếu Chúa Xứ - Thiên Hậu Hòa Thuận, miếu Bà Thiên Hậu Vĩnh Bảo (Trà Vinh), miếu Thiên Hậu Huỳnh Kỳ (Sóc Trăng), Hội quán Minh Hương Tp. Vĩnh Long, miếu Bà Thiên Hậu ấp Cá Lóc (Trà Vinh) và miếu Thiên Hậu Tiệm Tôm (Bến Tre). Các miếu này có cấu trúc không gian lớn, ít có họa tiết trang trí trên nóc hay mặt tiền miếu (ngoại trừ nhóm tứ linh và cá chép); ngược lại có võ ca, võ quy và cấu trúc bố trí các khám thờ, bàn thờ khá thống nhất với đình làng, bao gồm bàn thờ chính thờ Thiên Hậu, hai bên có phối thờ tiền - hậu hiền, tả - hữu ban và các chiến sĩ, thần thánh khác.

Dạng thứ hai là dạng pha trộn giữa phong cách đình làng và kiến trúc nhà ở người Việt vùng Tây Nam Bộ. Tiêu biểu phải kể đến miếu Thiên Hậu Vĩnh Mỹ, Tp. Châu Đốc, tỉnh An Giang. Cấu trúc miếu về cơ bản là một căn nhà một gian hai mái trước sau, mặt tiền có ba cửa vào theo phong cách thượng song hạ bản, mái ngói âm dương nâu đỏ, khá đồng điệu với màu sắc tổng thể của miếu, trên gờ nóc có trang trí các mô típ quỳ long và chim phụng, hàng cột có bao lam hoa văn cung đình Huế. Nội điện miếu bao gồm không gian sinh hoạt tôn giáo và chính điện nằm ở cuối gian nhà. Ngoài Thiên Hậu được thờ

phụng trên đàn cao phía trên, còn có bàn hương án thấp phía trước, hai bên có thờ tả - hữu ban và tiền - hậu vãng. Miếu là nơi sinh hoạt cộng đồng của người dân Châu Đốc, do vậy mang tính chất điển hình của ngôi miếu cộng đồng (communal temple)

Dạng thứ ba là các miếu, am tự nhỏ khá phổ biến trong các vùng nông thôn Tây Nam Bộ, thường chỉ có một gian nhỏ hoặc đôi khi có thêm nhà tiền tế phía trước dùng làm nơi bái viếng. Kiến trúc nhóm miếu thứ ba này nhìn chung khá đơn giản, ngoại trừ miếu Thiên Hậu ở phường 1, Tp. Tân An (Long An) và miếu Thiên Hậu chợ Bạc Liêu có hoa văn trang trí trên bao lam, cột trụ. Miếu Thiên Hậu ở thị trấn Ba Tri (Bến Tre) gắn liền với chùa Long Đức⁸. Các ngôi miếu này đa phần mang tính chất gia miếu, dù người dân địa phương vẫn có Ban quản lý song tính chất khá lỏng lẻo.

So với phong cách thờ và miếu thờ của người Việt kể trên thì tục thờ và miếu thờ Thiên Hậu của người Hoa Quảng Đông thể hiện *tính tôn nghiêm* trong việc tuân thủ điển chế của triều Minh, phong cách kiến trúc và mỹ thuật của họ mang *tính quan phương*; người Hoa Triều Châu mang *tính linh hoạt* trong sáng tạo và thể hiện tài năng mỹ thuật và nghệ thuật kiến trúc dân gian; miếu của người Hoa Phúc Kiến, Hải Nam và Khách Gia có phong cách nằm giữa hai cực ấy. Các miếu (miếu) Bà của người Việt có phong cách kiến trúc và mỹ thuật về cơ bản theo điển chế nhà Nguyễn.

Một số miếu thờ Thiên Hậu của người Việt kết cấu kiến trúc giống Phật giáo Bắc tông, tiêu biểu như miếu thờ Thiên Hậu tại thị trấn Ba Tri (tỉnh Bến Tre), Hội quán Minh hương Tp. Vĩnh Long, miếu Thiên Hậu Hòa Lộc ở huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long hay hiện tượng phối thờ Thiên Hậu trong chùa Tân Long ở Trà Vinh. Dấu hiệu thường thấy là miếu Thiên Hậu là một bộ phận của quần thể chùa Phật hoặc có cấu trúc “tiền Phật hậu Thánh”. Trong ngày vía Thiên Hậu, các miếu thờ này có xu hướng cúng chay, nghi lễ do các tăng ni đảm trách (tài liệu điền dã năm 2015). Ngoài ra, ở một số miếu, đối tượng được phối thờ tương đối đa dạng, từ Khổng Tử, Quan Công cho đến Quan Âm, Địa Mẫu, Bà Chúa Xứ, 12 bà mụ, Tả - Hữu ban, Tiền - Hậu vãng, v.v..

Thứ tư, nếu đem tục thờ và miếu thờ Thiên Hậu của người Việt trong vùng quy chiếu vào hệ thống kim tự tháp nhu cầu của Abraham Maslow (1908 - 1970) thì tục thờ Thiên Hậu của người Việt ở Tây Nam Bộ có *phổ chức năng hạn chế hơn*. Nếu như tục thờ Thiên Hậu của người Hoa trong vùng trải đều các chức năng đáp ứng: (1) Các nhu cầu thể lý (định

cư, phát triển sự nghiệp), (2) Nhu cầu được bảo vệ, được an tâm (an sinh, bình an), (3) Nhu cầu được chia sẻ, được giao lưu tình cảm (kết nối những người đồng hương thành bang hội, do vậy nhiều miếu Thiên Hậu đặt làm hội quán), (4) Nhu cầu được thừa nhận, được tôn trọng (được ứng xử bình đẳng với các dân tộc khác) và (5) Nhu cầu được thể hiện bản sắc văn hóa tộc người Hoa (*tính thiêng* và *tính thế tục*) thì tục thờ này của người Việt đặt trọng tâm ở chức năng đáp ứng nhu cầu được bảo vệ, được an tâm về tâm linh và được tinh tấn trong tinh thần (chủ yếu mang *tính thiêng*). Các tín đồ đến viếng các miếu này phần nhiều là các cư dân trong vùng, do vậy giá trị và tầm ảnh hưởng của miếu thờ thấp, xét về quy mô chỉ mang tầm ảnh hưởng cơ sở (communal level) trong khi các miếu Thiên Hậu của người Hoa có miếu mang tầm cơ sở nếu như miếu ở nông thôn, có miếu đạt đến tầm ảnh hưởng khu vực (sub-regional level⁹) hay vùng (regional level¹⁰) nếu tọa lạc tại các thành phố, thị trấn, thị tứ hay đầu mối các trục giao thông thủy, bộ.

3. Kết luận

Cơ sở thờ tự Thiên Hậu người Việt ở Tây Nam Bộ, một dạng cơ sở của thiết chế tâm linh đơn thuần khi so sánh với hệ thống các miếu Thiên Hậu người Hoa vốn được đánh giá là một loại “bảo tàng” sống của những tri thức bản địa về kiến trúc, mỹ thuật trang trí, hội họa và điêu khắc dân gian, vừa mang tính mỹ thuật vừa thể hiện bản sắc văn hóa nhóm tộc người. Trong mối tương quan so sánh, phong cách kiến trúc và mỹ thuật dân gian gắn với hệ thống các miếu thờ Thiên Hậu của người Việt ở Tây Nam Bộ nhìn chung mang tính dân gian tự phát, tổ chức nghi lễ mang đậm tính *thiêng* (tính tôn nghiêm, uy lực và chất huyền bí của thế giới siêu nhân) so với hiện thực cộng sinh giữa giá trị *thiêng* và giá trị *thế tục* (tính gần gũi của cảnh quan và vật thể gắn với đời thường, tính thăng hoa của sáng tạo nghệ thuật) của hệ thống miếu thờ Thiên Hậu của người Hoa.

Với người Việt - tộc người chủ thể ở Tây Nam Bộ, quá trình tiếp nhận diễn ra song hành với quá trình “lên khuôn”, “tái cấu trúc”, nhờ vậy kiến trúc và điêu khắc ở miếu Thiên Hậu người Việt có xu hướng Việt hóa, trở nên gần gũi với Phật giáo Bắc Tông (nhất là tục thờ Phật Bà Quan Âm), thể hiện gần giống với miếu thần hay đình làng Nam Bộ. Sau quá trình lịch sử lâu dài, đồng thời với xu hướng hòa nhập văn hóa, tục thờ Thiên Hậu của người Việt ở Tây Nam Bộ hiện có xu hướng tách biệt với truyền thống thờ Thiên Hậu của người Hoa và hòa nhập vào dòng chảy chính của thờ Mẫu của người Việt vốn rất thịnh hành ở địa phương./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Nguyễn Ngọc Thơ (2015), “Dấu tích tục thờ Tam phủ trong tín ngưỡng thờ Thiên Hậu của người Việt vùng Tây Nam Bộ”, *Văn hóa Dân gian*, số 6 (162): 24-34.
- 2 *Encyclopædia Britannica*, Inc 1768/1985, *The New Encyclopædia Britannica*, by Encyclopædia Britannica, Inc, U.S.A: 57.
- 3 Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn 2008: 107.
- 4 Ngô Đức Thịnh (1984), “Người Khmer đồng bằng sông Cửu Long là thành viên của cộng đồng các dân tộc Việt Nam”, *Nghiên cứu Lịch sử*, số 6: 39.
- 5 Xem: Phan Thị Yến Tuyết (2014), “Tín ngưỡng thờ mẫu và nữ thần từ chiều kích văn hóa biển của vùng biển đảo Kiên Hải (Kiên Giang)”, *Tuyển tập Việt Nam học*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
- 6 Chặng hạn hệ thống miếu tại Cầu Kè, Trà Cú tỉnh Trà Vinh, TT. Ngan Dừa tỉnh Bạc Liêu, v.v..
- 7 Nguyễn Ngọc Thơ (2015), “Dấu tích tục thờ Tam phủ trong tín ngưỡng thờ Thiên Hậu của người Việt vùng Tây Nam Bộ”, *Văn hóa Dân gian*, số 6 (162): 24-34.
- 8 Ngôi chùa được xây thêm vào năm 1967 trên cơ sở khuôn viên miếu Thiên Hậu có trước (tài liệu điền dã 2015).
- 9 Miếu Thiên Hậu Tp. Cà Mau, miếu Thiên Hậu TX. Vĩnh Châu tỉnh Sóc Trăng, miếu Thiên Hậu Tp. Trà Vinh, miếu Thiên Hậu Tp. Sa Đéc, miếu Thiên Hậu Tp. Vĩnh Long, v.v..
- 10 Miếu Tuệ Thành, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh; miếu Bà Hẹ - Thiên Hậu Cung Thất Sơn, Tịnh Biên, An Giang.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan An (2002), “Tục thờ cúng Bà Thiên Hậu của người Hoa ở Thành phố Hồ Chí Minh”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3: 54-57.
2. Toan Ánh (1996), *Tín ngưỡng Việt Nam*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh.
3. Phan Kế Bính (2011), *Việt Nam phong tục*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
4. *Encyclopædia Britannica*, Inc (1768/1985), *The New Encyclopædia Britannica*, by Encyclopædia Britannica, Inc, U.S.A.
5. Đinh Hồng Hải (2015), “Tỳ hưu: nguồn gốc, tín ngưỡng và những biểu hiện trong văn hóa và xã hội Việt Nam”, *Mỹ thuật ứng dụng trên đường tìm về bản sắc Việt*, Nxb. Văn hóa Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh.
6. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (2006), “Những vấn đề nhân học tôn giáo”, Tạp chí *Xưa và Nay* & Nxb. Đà Nẵng.
7. James George Frazer (2007) (Ngô Bình Lâm dịch), *Cành vàng*, Nxb. Văn hóa Thông tin & Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, Hà Nội.
8. Trần Hồng Liên (2005), *Văn hóa người Hoa ở Nam Bộ, Tín ngưỡng & Tôn giáo*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Liu Tiksang (2000), *Sùng bái Thiên Hậu ở Hồng Kông*, Thư viện Tam Liên xuất bản, Hồng Kông.
10. Bronilav Malinowski (1948), *Ma thuật, khoa học và tôn giáo và một số tiểu luận khác* [Magic, Science and Religion and Other Essay], The Free xuất bản, Illinois.
11. Sơn Nam (2009), *Đình - miếu và lễ hội dân gian*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.

12. Lê Thanh Sơn (2000), *Hiện tượng cộng sinh văn hóa giữa tính truyền thống và tính hiện đại trong kiến trúc Việt Nam (từ cuối thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX)*, Luận án tiến sĩ Kiến trúc, Trường Đại học Kiến trúc Tp. Hồ Chí Minh.
13. Phạm Thanh Thảo (01/12/2010), “Nghĩ về biểu tượng và văn hóa”, <http://tuoitre.vn/tin/ban-doc/cung-lam-bao/20101202/nghi-ve-bieu-tuong-va-van-hoa/413876.html>
14. Trần Hậu Yên Thế (2015), “Nghệ thuật trang trí cổ truyền: đẹp và hơn thế nữa”, trong *Mỹ thuật ứng dụng trên đường tìm về bản sắc Việt*, Nxb. Văn hóa Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh.
15. Nguyễn Ngọc Thơ (2015), “Dấu tích tục thờ Tam phủ trong tín ngưỡng thờ Thiên Hậu của người Việt vùng Tây Nam Bộ”, *Văn hóa Dân gian*, số 6 (162): 24-34.
16. Tsai Maw Kuey (1968), *Người Hoa ở miền Nam Việt Nam*, Bộ Quốc gia Giáo dục.
17. Trương Cẩm Tú (2012), *Miếu thờ của người Hoa ở Biên Hòa – Đồng Nai dưới góc nhìn văn hóa học - Trường hợp Thất phủ có miếu - Chùa Ông*, Luận văn thạc sĩ Văn hóa học, Trường ĐHKHXH&NV, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
18. Phan Thị Yến Tuyết (2014), “Tín ngưỡng thờ mẫu và nữ thần từ chiều kích văn hóa biển của vùng biên đảo Kiên Hải (Kiên Giang)”, *Tuyển tập Việt Nam học*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
19. Tư liệu điền dã được thu thập ở vùng Tây Nam Bộ trong các năm 2013, 2014, 2015.

Abstract

SOME CHARACTERISTICS OF THE CULT OF MAZU GODDESS IN THE SOUTHWEST OF VIETNAM

In the mind of the Vietnamese, each god or deity has his/her “duty” and power. The various gods and deities relate to different aspects of the human life, such as the Lady of the Realm (Bà Chúa Xứ) governs the land, the Mother Goddess of Water (Bà Thủy) governs the water, Avalokitesvara Bodhisattva saves the unfortunate, the Mazu Goddess (Bà Thiên Hậu) both takes care of the sea and blesses all people, etc. Ethnic in Vietnam worship various gods and deities with the hope that their prayers are heard and responded. The Chinese cult of the Mazu Goddess was absorbed by the Vietnamese in the Southwest in the process of co-existence. Consequently, a part of the Vietnamese built shrines for Mazu Goddess and carried out cultic activities. This article generalizes some features of shrines for Mazu Goddess in the Southwest of Vietnam.

Keywords: Characteristics, shrine, Southwest, Mazu Goddess, Vietnamese.